

Số: 846/QĐ - DHN

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Dược học
cho học viên cao học Dược khoá 15 (2010 – 2012)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/09/1961 của Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 224/TTg ngày 24/05/1976 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng sau đại học cho trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 45/2008/QĐ-BGDĐT ngày 05/08/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-DHN ngày 09/8/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc công nhận chuyển tiếp sinh cao học khóa 15 năm 2010, Quyết định số 408/QĐ-DHN ngày 27/9/2010 về việc công nhận trúng tuyển học viên cao học khóa 15 (2010 – 2012), Quyết định số 477/QĐ-DHN về việc bổ sung học viên vào Danh sách công nhận trúng tuyển cao học khóa 15 (2010 – 2012), Quyết định số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009 về việc công nhận trúng tuyển học viên cao học khóa 14 (2009 – 2011) và Quyết định số 155/QĐ-DHN ngày 24/4/2012 về việc gia hạn thời gian học tập và bảo vệ luận văn cho học viên cao học 14 (2009 – 2011);

Căn cứ Biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng tốt nghiệp thạc sĩ Dược học khóa 15 (2010 – 2012) ngày 27/12/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ Dược học cho 60 học viên cao học khóa 15 (2010 – 2012), 14 học viên cao học khóa 14 (2009 – 2011); thuộc 6 chuyên ngành trong danh sách kèm theo Quyết định này gồm:

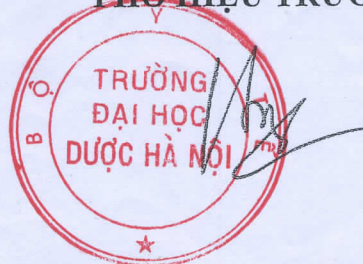
- 16 học viên chuyên ngành Công nghệ dược phẩm và Bào chế;
- 06 học viên chuyên ngành Dược liệu – Dược học cổ truyền;
- 14 học viên chuyên ngành Dược lý và Dược lâm sàng;
- 11 học viên chuyên ngành Hóa sinh Dược;
- 12 học viên chuyên ngành Kiểm nghiệm thuốc – Độc chất
- 15 học viên chuyên ngành Tổ chức quản lý Dược

Điều 2. Các Ông/Bà Trưởng phòng Sau đại học, TCKT, phòng ban có liên quan và các học viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: HCTH, SĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Hòa

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP KHOÁ 15 (2010 - 2012)
(Kèm theo QĐ số 816/QĐ-DHN ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Điểm TBTL	Điểm luận văn
1	Đinh Thị Hải	Nữ	19/03/1980	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.59	8.1
2	Đào Thị Hạnh	Nữ	21/11/1986	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.33	8.46
3	Đỗ Thị Thu Hằng	Nữ	18/02/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.41	9.36
4	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	15/11/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.02	8.7
5	Lê Thị Ngọc Lan	Nữ	20/06/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	3.07	8.68
6	Nguyễn Văn Lâm	Nam	04/10/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.42	9.42
7	Ngô Thị Thanh Nga	Nữ	24/10/1983	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.49	8.82
8	Trần Thị Phương Nhung	Nữ	29/08/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.38	8.28
9	Bùi Thị Lan Phương	Nữ	19/10/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.53	8.06
10	Nguyễn Trường Sơn	Nam	02/10/1986	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.5	9.0
11	Nguyễn Thị Hồng Thanh	Nữ	01/02/1980	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.17	9.08
12	Nguyễn Hạnh Thủy	Nữ	07/08/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.84	8.82
13	Ngô Thị Thu Trang	Nữ	08/08/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	3.03	9.5
14	Đỗ Thị Ánh Tuyết	Nữ	06/6/1987	304/QĐ-DHN, ngày 09/8/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.5	8.2
15	Nguyễn Hồng Vân	Nữ	22/11/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.55	8.74
16	Trần Thị Hải Hậu	Nữ	07/06/1983	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Công nghệ dược phẩm và Bào chế	2.59	7.36
17	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	22/12/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược liệu - dược học cổ truyền	2.48	7.72
18	Nguyễn Thị Thương	Nữ	31/05/1983	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược liệu - dược học cổ truyền	2.73	8.73
19	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	12/07/1986	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược liệu - dược học cổ truyền	2.42	8.28
20	Đinh Phương Liên	Nữ	07/06/1979	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược liệu - dược học cổ truyền	2.66	7.96
21	Hoàng Thanh Loan	Nữ	23/03/1984	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược liệu - dược học cổ truyền	2.97	8.12
22	Phạm Hà Thanh Tùng	Nam	30/08/1983	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược liệu - dược học cổ truyền	2.97	9.3
23	Trần Thị Minh Đức	Nữ	01/02/1980	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.63	8.6
24	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	17/09/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.36	9.02
25	Lê Thị Cảnh Hiền	Nữ	17/10/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.26	8.3
26	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	10/06/1976	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.33	9.02
27	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	05/08/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.6	8.46

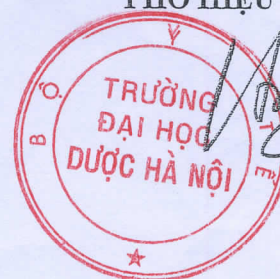
TT	Họ và tên		Giới	Ngày sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Điểm TBTL	Điểm luyện văn
28	Vũ Thị Thu	Phương	Nữ	24/01/1983	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.21	8.32
29	Ngô Việt	Quốc	Nam	24/10/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.44	8.85
30	Lê Thảo	Quên	Nữ	11/09/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	2.38	8.02
31	Ngô Thị Hồng	Thiện	Nữ	10/09/1986	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Dược lý và Dược lâm sàng	3.09	8.75
32	Nguyễn Thị Hồng	Giang	Nữ	27/04/1984	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược lý và Dược lâm sàng	3.28	9.48
33	Nguyễn Thanh	Hiền	Nữ	30/01/1981	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược lý và Dược lâm sàng	2.44	8.8
34	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	31/10/1984	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược lý và Dược lâm sàng	2.52	5.4
35	Phạm Thị Hương	Lý	Nữ	11/02/1981	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược lý và Dược lâm sàng	2.55	8.76
36	Nguyễn Thị Lê	Như	Nữ	17/03/1972	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Dược lý và Dược lâm sàng	2.64	8.18
37	Nguyễn Thị Hải	Hà	Nữ	17/10/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	3.0	9.0
38	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	Nữ	10/09/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.86	9.26
39	Chu Hoàng Bích	Hồng	Nữ	03/01/1988	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.86	8.16
40	Đỗ Thị	Huế	Nữ	26/08/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.42	9.08
41	Vũ	Mạnh	Nam	15/12/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.13	8.3
42	Hoàng Thị	Quên	Nữ	25/11/1983	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.83	9.1
43	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	12/05/1983	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.38	7.58
44	Phạm Thị Bích	Thảo	Nữ	19/09/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.76	8.6
45	Phạm Thị	Thủy	Nữ	20/06/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.33	8.44
46	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	20/08/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Hóa sinh dược	2.82	9.04
47	Hoàng Văn	Giang	Nam	22/07/1984	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Hóa sinh dược	2.61	8.54
48	Phạm Thị Kiều	Dung	Nữ	09/02/1982	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.6	9.54
49	Mai Thanh	Hà	Nữ	11/05/1980	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.69	9.71
50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	12/12/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.59	9.12
51	Nguyễn Thị Thu	Hòa	Nữ	29/07/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.63	9.02
52	Chữ Thị Thanh	Huyền	Nữ	03/01/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.95	9.52
53	Phạm Văn	Kiên	Nam	10/09/1983	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.55	9.16
54	Vũ	Quang	Nam	11/12/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.3	9.44
55	Trịnh Thị	Quy	Nữ	07/08/1980	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.86	9.6
56	Ngô Thị Hồng	Vân	Nữ	05/05/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.7	8.84
57	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	05/08/1981	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.44	9.1
58	Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	26/12/1983	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.01	7.96
59	Trần Thị	Thơ	Nữ	13/06/1982	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	2.71	8.9

TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Số, ngày QĐ trúng tuyển	Chuyên ngành	Điểm TBTL	Điểm luận văn
60	Vũ Việt Cường	Nam	28/08/1986	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.17	8.20
61	Nguyễn Thị Bích Hạnh	Nữ	05/11/1986	477/QĐ-DHN, ngày 15/10/2010	Tổ chức quản lý được	2.93	8.6
62	Đặng Thu Hằng	Nữ	02/06/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.4	7.5
63	Trần Thị Hằng	Nữ	10/10/1982	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.21	7.25
64	Vũ Thị Hương	Nữ	30/03/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.45	8.75
65	Phạm Văn Khánh	Nam	12/02/1988	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.02	7.6
66	Nguyễn Thị Hiền Lương	Nữ	04/06/1985	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.76	8.1
67	Dương Ngọc Ngà	Nữ	23/06/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.99	8.12
68	Nguyễn Phước Bích Ngọc	Nữ	22/09/1986	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	3.28	9.0
69	Bùi Thị Thu Quỳnh	Nữ	19/03/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.63	8.17
70	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	09/11/1987	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.36	8.0
71	Phạm Hương Quỳnh	Nữ	18/10/1986	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.76	8.42
72	Đào Thị Hoài Thu	Nữ	02/09/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	2.23	8.15
73	Nguyễn Thị Phương Thúy	Nữ	08/11/1984	408/QĐ-DHN, ngày 27/9/2010	Tổ chức quản lý được	3.1	9.0
74	Đỗ Bích Hà	Nữ	24/03/1985	Số 432/QĐ-ĐHD ngày 01/10/2009	Tổ chức quản lý được	2.72	7.62

Ấn định danh sách có 74 học viên, gồm 03 trang

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2012

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Hòa